|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Luật số: /2022/QH15 |  |

**DỰ THẢO 2  
ngày 04.01.2022**

**04/101/2022**

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số …../2022/QH15.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện**

1. Bổ sung khoản 19 Điều 3 như sau:

*“19. Đình chỉ một phần quyền sử dụng băng tần là việc buộc doanh nghiệp phải ngừng sử dụng có thời hạn một phần bằng tần đã được cấp giấy phép sử dụng để khắc phục hậu quả khi doanh nghiệp vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi được cấp giấy phép sử dụng băng tần*.”

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm h khoản 2 Điều 5 như sau:

“c) Cấp, *cấp lại*, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; quản lý lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, phí sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của phập luật về phí và lệ phí;

h) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ vô tuyến điện; quản lý việc đào tạo và cấp Chứng chỉ vô tuyến điện viên;”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 10 như sau:

“7. Phù hợp với quy *hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông* đối với băng tần sử dụng trong hoạt động viễn thông.”.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và khoản 3 của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Quy hoạch băng tần là quy hoạch phân bổ một hoặc một số băng tần *thành một hoặc nhiều khối băng tần cho* một loại hệ thống thông tin vô tuyến điện và quy định nguyên tắc, điều kiện sử dụng cụ thể đối với băng tần đó.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện để sử dụng tại Việt Nam và việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện phải phù hợp với các quy hoạch tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật, *trừ trường hợp quy định tại Điều 22a của Luật này*.”.

1. Bổ sung Điều 11a như sau:

*“Điều 11a. Hạn mức sử dụng băng tần*

*1. Hạn mức sử dụng băng tần là giới hạn tối đa tổng độ rộng của một hoặc nhiều băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng nhằm tránh tích tụ băng tần và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông.*

*2. Có hai loại hạn mức sử dụng băng tần là hạn mức trong một băng tần và hạn mức trong một nhóm băng tần có đặc tính truyền sóng tương đồng.*

*3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể hạn mức sử dụng băng tần.”.*

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện thuộc Danh mục thiết bị vô tuyến điện có khả năng gây nhiễu có hại trước khi đưa vào lưu thông trên thị trường hoặc sử dụng phải thực hiện việc chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và sử dụng dấu hợp quy, *trừ trường hợp quy định tại Điều 22a của Luật này*.”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thiết bị điện, điện tử có bức xạ vô tuyến điện thuộc Danh mục thiết bị có khả năng gây mất an toàn do không tương thích điện từ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, trước khi đưa vào lưu thông trên thị trường hoặc sử dụng phải thực hiện việc chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và sử dụng dấu hợp quy, *trừ trường hợp quy định tại Điều 22a của Luật này*.”.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 và khoản 4, 5 Điều 16 như sau:
2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 16 như sau:

“b) Giấy phép sử dụng băng tần có thời hạn tối đa là 15 năm, được cấp cho tổ chức để sử dụng băng tần xác định kèm theo các điều kiện cụ thể;”;

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5 Điều 16 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.

5. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục cấp, *cấp lại*, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng băng tần.”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện, *trừ trường hợp quy định tại Điều 22a của Luật này*.

*2a. Phù hợp với quy định về hạn mức sử dụng băng tần*.”.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“1. Phương thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định như sau:

a) Cấp giấy phép trực tiếp được thực hiện trên cơ sở xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép *theo nguyên tắc tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trước được xét cấp trước*;

b) Cấp giấy phép thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trên cơ sở đánh giá hồ sơ thi tuyển, theo những tiêu chí cơ bản về năng lực tài chính và đầu tư, năng lực kỹ thuật nghiệp vụ, năng lực kinh doanh, nguồn nhân lực;

c) Cấp giấy phép thông qua đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trên cơ sở đánh giá hồ sơ đấu giá theo những tiêu chí *về năng lực tài chính, đầu tư* và mức trả giá của doanh nghiệp.

*2. Áp dụng phương thức cấp giấy phép trực tiếp đối với:*

*a) Tần số vô tuyến điện không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này;*

*b) Băng tần được sử dụng để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng cho mục đích thử nghiệm để đánh giá công nghệ và thử nghiệm để đánh giá thị trường viễn thông theo pháp luật về viễn thông;*

*c) Băng tần được cấp lại theo quy định tại Điều 20d của Luật này.”.*

*3. Áp dụng phương thức cấp giấy phép thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần được sử dụng để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng trong trường hợp cần triển khai công nghệ mới trong thời gian nhất định, phủ sóng trên diện rộng, phủ sóng các khu vực vùng sâu, vùng xa theo quy định của Chính phủ. Việc thi tuyển đối với các băng tần khác do Chính phủ quy định.*

*4. Áp dụng phương thức cấp giấy phép thông qua đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần được sử dụng để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng, trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c khoản 2 và khoản 3 Điều này. Việc đấu giá đối với các băng tần khác do Chính phủ quy định.”.*

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c và đ khoản 2 Điều 19 như sau:

“b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;

c) Có giấy phép hoạt động báo chí hoặc được quyền *phát sóng* chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật;

đ) Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ, *trừ trường hợp quy định tại Điều 22a của Luật này*.”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Điều kiện để được cấp giấy phép trong trường hợp áp dụng phương thức cấp giấy phép trực tiếp được quy định như sau:

a) Có đủ các điều kiện để được cấp giấy phép quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này *đối với băng tần quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 18 của Luật này*;

*b) Có đủ các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 20d của Luật này đối với băng tần được cấp lại theo quy định của Luật này*.

3. Điều kiện để được cấp giấy phép trong trường hợp áp dụng phương thức đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện bao gồm:

a) *Có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này*;

b) Có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông;

c) *Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước đó về viễn thông, tần số vô tuyến điện*;

d) *Có cam kết triển khai mạng viễn thông theo quy định*;

đ) Thắng trong đấu giá hoặc trúng tuyển trong thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. Bổ sung Điều 20a, Điều 20b, Điều 20c, Điều 20d vào sau Điều 20 như sau:

“***Điều 20a. Cam kết triển khai mạng viễn thông*** ***khi cấp phép sử dụng băng tần***

*1. Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần phải cam kết triển khai mạng viễn thông và nộp tiền bảo đảm thực hiện cam kết này thông qua bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.*

*2. Khi vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông, tổ chức bị đình chỉ một phần quyền sử dụng băng tần và không được hoàn trả tiền bảo đảm thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông tuỳ theo mức độ vi phạm. Khoản tiền bảo lãnh không được hoàn trả được nộp vào ngân sách Nhà nước.*

*3. Chính phủ quy định chi tiết về đình chỉ một phần quyền sử dụng băng tần, tiền bảo đảm và xử lý tiền bảo đảm thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông.*

*4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xác định cụ thể cam kết triển khai mạng viễn thông đối với từng băng tần, gồm một hoặc một số nội dung sau:*

*a) Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới;*

*b) Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ tính từ thời điểm cấp phép;*

*c) Số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai;*

*d) Vùng phủ sóng theo dân số hoặc theo khu vực địa lý;*

*đ) Chất lượng dịch vụ viễn thông;*

*e) Chuyển vùng dịch vụ viễn thông.”.*

***Điều 20b. Đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện***

*1. Việc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của Luật Đấu giá tài sản.*

*2. Điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện là tổng số khối băng tần người tham gia đấu giá đăng ký mua lớn hơn tổng số khối băng tần được đưa ra đấu giá, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.*

*3. Trường hợp đấu giá nhiều khối băng tần đồng thời, người tham gia đấu giá được đăng ký số lượng khối băng tần tối đa cần mua mà không phải xác định trước vị trí khối băng tần với điều kiện tổng số khối băng tần đăng ký không vượt quá hạn mức sử dụng băng tần của người tham gia đấu giá.*

*Tại cuộc đấu giá, người tham gia đấu giá được trả giá cho số lượng khối băng tần bất kỳ nhưng không vượt quá số lượng khối băng tần đã đăng ký. Cuộc đấu giá kết thúc khi tổng số lượng khối băng tần của tất cả người tham gia đấu giá trả giá hợp lệ ít hơn hoặc bằng tổng số khối băng tần được đưa ra đấu giá. Người tham gia đấu giá trả giá tại vòng trả giá cuối cùng là người trúng đấu giá. Vị trí khối băng tần của người trúng đấu giá được xác định theo quy định tại quy chế cuộc đấu giá.*

*4. Trường hợp cuộc đấu giá không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này hoặc cuộc đấu giá không thành thì được tổ chức lại.*

*Tại cuộc đấu giá lại, sau khi hết thời gian đăng ký tham gia đấu giá mà tổng số khối băng tần người tham gia đấu giá đăng ký mua không lớn hơn tổng số khối băng tần được đưa ra đấu giá thì khối băng tần được bán cho người đăng ký tham gia đấu giá bằng giá khởi điểm. Vị trí khối băng tần của người trúng đấu giá được xác định theo quy định tại quy chế cuộc đấu giá.*

*5. Người trúng đấu giá quyền sử dụng băng tần là cá nhân, tổ chức chấp nhận mức giá khởi điểm hoặc bước giá tiếp theo trong cuộc đấu giá.*

*6. Chính phủ quy định chi tiết về đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.*

***Điều 20c. Thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện***

*1. Đối tượng được tham gia thi tuyển là các tổ chức có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần được thi tuyển theo quy định của pháp luật về viễn thông.*

*2. Tổ chức tham gia thi tuyển phải nộp tiền bảo đảm dự tuyển thông qua bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm trách nhiệm dự tuyển.*

*3. Tổ chức tham gia thi tuyển không được hoàn trả tiền bảo đảm dự tuyển trong các trường hợp sau đây:*

*a) Rút hồ sơ thi tuyển sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ thi tuyển;*

*b) Trúng tuyển nhưng không nộp tiền bảo đảm thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông.*

*4. Chính phủ quy định chi tiết về thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.*

***Điều 20d. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần***

*1. Khi giấy phép sử dụng băng tần hết hạn sử dụng, bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có, tổ chức được xem xét cấp lại thông qua phương thức cấp phép trực tiếp trong các trường hợp sau:*

*a) Khi quy hoạch băng tần tại thời điểm trước khi giấy phép sử dụng băng tần hết hạn ít nhất 5 năm không làm thay đổi phân bổ khối băng tần so với quy hoạch băng tần đã áp dụng để cấp phép cho các tổ chức trước đó;*

*b) Khi quy hoạch băng tần tại thời điểm trước khi giấy phép sử dụng băng tần hết hạn ít nhất 5 năm có thay đổi phân bổ khối băng tần so với quy hoạch băng tần đã áp dụng để cấp phép cho các tổ chức trước đó nhưng vẫn bảo đảm khả năng phân bổ cho các tổ chức lượng băng tần tối thiểu phù hợp với tiêu chuẩn công nghệ thấp nhất quy định cho băng tần đó.*

*2. Không cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đối với các băng tần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 của Luật này.*

*3. Thời hạn của giấy phép cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật này.*

*4. Trước khi giấy phép sử dụng băng tần hết hạn ít nhất 5 năm, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo về quy hoạch băng tần, kế hoạch cấp phép, phương thức cấp phép đối với băng tần đã cấp.*

*5. Điều kiện cấp lại giấy phép bao gồm:*

*a) Có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này;*

*b) Thực hiện đầy đủ cam kết về triển khai mạng viễn thông đối với băng tần đã được cấp (nếu có);*

*c) Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính trước đó về viễn thông, tần số vô tuyến điện (nếu có);*

*d) Nộp đúng, đủ, kịp thời tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần được cấp lại theo quy định của pháp luật;*

*đ) Có cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại theo quy định tại Điều 20a của Luật này.*”.

1. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau:

***Điều 22a. Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện không phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện, quy chuẩn kỹ thuật***

*1. Tổ chức, cá nhân được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện không phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện, quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ khi được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong các trường hợp sau đây:*

*a) Sử dụng tạm thời trong các sự kiện đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép;*

*b) Sử dụng cho mục đích nghiên cứu, sản xuất để xuất khẩu.*

*2. Tổ chức, cá nhân phải ngừng sử dụng khi gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện được phép sử dụng khác hoặc khi không đảm bảo an toàn bức xạ vô tuyến điện.*

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ, e khoản 1 như sau:

“đ) Không nộp *đúng, đủ, kịp thời* phí sử dụng tần số vô tuyến điện, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

e) Không triển khai trên thực tế các nội dung quy định của giấy phép sau thời hạn hai năm, kể từ ngày được cấp giấy phép, *trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản này*;”;

b) Bổ sung điểm h vào khoản 1 như sau:

“*h) Không khắc phục vi phạm về cam kết triển khai mạng viễn thông trong thời hạn bị đình chỉ một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 3 Điều 20a của Luật này*.”;

1. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 như sau:

*“3. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện không được hoàn trả tiền phí sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.*

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua đấu giá được phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức khác;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Tổ chức nhận quyền sử dụng tần số vô tuyến điện *phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông*, điều kiện cấp giấy phép quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này và *phù hợp với quy định về hạn mức sử dụng băng tần*;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. *Chính phủ* quy định chi tiết việc chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 27 như sau:

“a) Thiết bị vô tuyến điện ít khả năng gây nhiễu có hại thuộc Danh mục quy định tại khoản 2 Điều này;”.

1. Bổ sung khoản 10a vào sau khoản 10 Điều 29 như sau:

“*10a.* *Thực hiện đúng cam kết về triển khai mạng viễn thông*.”.

1. Sửa đổi tên Điều 31 và sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

**“Điều 31. Khai thác nguồn lực tài chính từ tần số vô tuyến điện**

*1. Các khoản thu tài chính từ tần số vô tuyến điện bao gồm:*

*a) Phí sử dụng tần số vô tuyến điện;*

*b) Lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện;*

*c) Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.*

2. Thu phí, lệ phí

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện;

b) Phí sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định trên cơ sở mục đích sử dụng; mức độ chiếm dụng phổ tần số vô tuyến điện; phạm vi phủ sóng; nhu cầu, mức độ sử dụng kênh tần số trong băng tần và địa bàn sử dụng tần số vô tuyến điện; bảo đảm bù đắp chi phí cho công tác quản lý tần số vô tuyến điện và để thi hành các chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ.

*3. Thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được quy định như sau:*

*a) Tổ chức sử dụng băng tần để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng và các băng tần khác theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Luật này phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, trừ trường hợp được cấp giấy phép sử dụng băng tần để thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông*

*b)* *Chính phủ quy định cụ thể mức thu, phương thức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện*.”.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 32 như sau:

“1. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư phải có Chứng chỉ vô tuyến điện viên, *trừ trường hợp Luật chuyên ngành hoặc cam kết quốc tế có quy định khác*.

2. *Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên*; quy định các loại chứng chỉ vô tuyến điện viên, đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên, công nhận chứng chỉ vô tuyến điện viên nước ngoài.”

1. Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào sau khoản 3 Điều 35 như sau:

“*4. Cơ quan quản lý chuyên ngành tần số vô tuyến điện, Thanh tra chuyên ngành về tần số vô tuyến điện được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính về sử dụng tần số vô tuyến điện.*

*5. Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng, danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về tần số vô tuyến điện.”.*

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39 như sau:

“*3. Tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, thiết bị điện, điện tử, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện trong khu vực nhiễu có hại có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành tần số vô tuyến điện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện nguồn nhiễu nhanh chóng, chính xác và xử lý nhiễu có hiệu quả*.”.

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 42 như sau:
2. Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 2 như sau:

“c) Phê duyệt kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh;”;

1. Bổ sung điểm d sau điểm c khoản 2 như sau:

“*d) Kiểm tra, thông báo Liên minh Viễn thông quốc tế các đăng ký tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài có khả năng ảnh hưởng đến hệ thống vệ tinh của Việt Nam*.”;

c) Bổ sung điểm e sau điểm đ khoản 3 như sau:

“e*) Kiểm tra, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả kiểm tra các đăng ký tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài được Liên minh Viễn thông quốc tế công bố có khả năng ảnh hưởng đến vệ tinh đã được cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh*.”.

1. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 43 như sau:

“d) Phê duyệt kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện.”

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào Điều 45 như sau:

“3. Trường hợp có tình huống ảnh hưởng trực tiếp đến chủ quyền, an ninh quốc gia:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện không phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài các tần số vô tuyến điện đã được phân bổ cho mục đích quốc phòng, an ninh và thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Tổ chức, cá nhân phải ngừng sử dụng nếu có khả năng gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện quy định tại điểm a khoản này.

*4.* *Trường hợp Bộ Công an có nhu cầu sử dụng băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với mục đích kinh tế - xã hội thì phải được sự đồng ý của Chính phủ trên nguyên tắc:*

*a) Bảo đảm quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ an ninh và môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông.*

*b) Không được sử dụng băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với mục đích kinh tế - xã hội để góp vốn bằng quyền sử dụng băng tần thực hiện hợp đồng liên doanh, liên kết.*

*c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý, sử dụng băng tần phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với mục đích kinh tế - xã hội thì phải chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.”.*

1. Bổ sung Điều 47a trước Điều 48 như sau:

“**Điều 47a.** **Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14**

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 như sau:

*2. Việc đấu giá đối với chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán; việc đấu giá đối với tài sản nhà nước ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; việc đấu giá đối với quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện và các quy định khác của Luật Đấu giá tài sản.”.*

1. Bổ sung Điều 48a sau Điều 48 như sau:

**“Điều 48a. Quy định chuyển tiếp**

*Đối với các giấy phép sử dụng băng tần để thiết lập mạng viễn thông di động mặt đất công cộng được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành:*

*1. Không thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến đối với thời hạn còn lại của giấy phép.*

*2. Được xem xét cấp lại giấy phép sử dụng băng tần nếu tại thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành quy hoạch băng tần tương ứng không làm phân bổ khối băng tần so với quy hoạch băng tần đã áp dụng để cấp phép cho các tổ chức trước đó hoặc có thay đổi phân bổ khối băng tần so với quy hoạch băng tần đã áp dụng để cấp phép cho các tổ chức trước đó nhưng vẫn bảo đảm khả năng phân bổ lượng băng tần tối thiểu cho các tổ chức đó.*

*Thời hạn và điều kiện cấp lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 và 5 Điều 20d của Luật này.”.*

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng … năm .…

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ..... tháng … năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  **Vương Đình Huệ** |